

Số: 02 /2023/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân

dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02 /2023/NQ-HĐND ngày 21/4 /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán và hưởng thụ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Một số nội dung và mức hỗ trợ chung

1. Chi công tác phí, tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh, sơ kết, tổng kết: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành Quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Chi tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Chi thực hiện các hoạt động điều tra, thống kê: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

4. Chi thuê hội trường, thuê xe, văn phòng phẩm, trang trí và các khoản chi khác không có định mức chi: Theo thực tế phát sinh và phù hợp với chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

Chương II QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước

1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên

tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

a) Nội dung: Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án, chương trình đã phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ:

- Đối với các huyện miền núi, gồm: Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; ngân sách địa phương (cấp huyện, xã) và các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ 30% tổng chi phí thực hiện mô hình.

- Đối với các địa phương cấp huyện còn lại: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách địa phương (cấp huyện, xã) và các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ 50% tổng chi phí thực hiện mô hình.

3. Hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

a) Nội dung: Hỗ trợ tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

b) Mức hỗ trợ:

- Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức.

- Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

4. Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.

a) Nội dung:

- Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

- Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT; Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên, cụ thể bao gồm: Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết; hỗ trợ

hạ tầng phục vụ liên kết, hỗ trợ khuyến nông và hỗ trợ dự án liên kết. Trong đó, ưu tiên thực hiện các nội dung hỗ trợ đối tượng liên kết sau:

+ Đào tạo kỹ thuật sản xuất, tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

+ Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

+ Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

+ Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND và quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

5. Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

a) Nội dung hỗ trợ: Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn được thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và được quy định chi tiết tại Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh.

6. Đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị.

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mô hình thí điểm sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng; mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

b) Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương: Hỗ trợ theo điểm e khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, cụ thể: Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu từ ngân sách Trung ương.

7. Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

a) Nội dung: Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung cụ thể theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và khoản 1, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ:

- Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện

các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

+ Hỗ trợ thuê tư vấn thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch. Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

+ Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải...) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,... đạt chất lượng phục vụ khách du lịch: Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

- Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền (hỗ trợ các sản phẩm du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh đạt sản phẩm OCOP 3 sao trở lên): Thực hiện theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững: Thực hiện theo quy định tại Điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này.

8. Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh.

a) Nội dung: Hỗ trợ thiết kế, sản xuất và lắp biển địa chỉ số đến từng địa chỉ (hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 16 Điều 3, Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND.

9. Triển khai phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

Hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các chi Hội, tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nguyên tắc thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 53/2022/TT-BTC và nội dung quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND.

2. Đối với các nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan khác không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND và các quy định hiện hành, kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Đối với nguồn kinh phí sự nghiệp địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, xã) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025: Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND; quy định tại Nghị quyết này và các quy định hiện hành.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới ban hành khi có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Các nội dung, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được quyết toán theo các văn bản đã có trước đó./.